



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009



*Kho đa chức năng
Multi function warehousing*



*Kinh doanh xăng dầu
Petroleum Trading*



*Vận tải quốc tế
International freight forwarder*



*Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)*

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	3
PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.	12
PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.	16
PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.	26
PHẦN V: BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.	38
PHẦN VI: CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.	52
PHẦN VII: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.	54
PHẦN VIII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.	63

PHẦN I:

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1.1.1. Giới thiệu về Công ty:

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
- Tên Tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Sotrans
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax : (84.8) 3826 6593
- Email : info@sotrans.com.vn
- Website : www.sotrans.com.vn

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM – SOTRANS được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ Kho đa chức năng tại Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục phát triển hoạt động Cảng thông quan nội địa với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu Sotrans trên thị trường. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp (theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 8 đơn vị thành viên hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu. Công ty có hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của Sotrans với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng với hơn 35 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 150.000 m², nằm tại trung tâm TP. HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.

SOTRANS được Hải quan TP.HCM công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP.HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải

quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Điều đó khẳng định tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của SOTRANS trong dịch vụ khai báo hải quan.

Các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao. SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni President, PepsiCo, Samsung, P&G ... lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ giao nhận tại thị trường Việt Nam.

1.1.2. **Quá trình hình thành và phát triển:**

- 1975 SOTRANS được thành lập.
- 1990 Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận (SOTRANS F&W).
- 1992 Thành lập XN Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế (SOTRANS Logistics).
- 1993 Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Đồng Nai.
- 1995 SOTRANS là thành viên Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI).
- 1996 SOTRANS là thành viên Hiệp hội Giao Nhận Kho Vận Việt Nam (VIFFAS).
- 1997 Hợp tác với GEMADEPT xây dựng cảng ICD Phước Long 2.
SOTRANS là thành viên Hiệp hội Vận tải Giao nhận Quốc tế (FIATA).
- 1999 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội.
- 2000 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Cần Thơ.
- 2001 Đạt chứng nhận ISO 9001: 2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do tổ chức DNV cấp.
- 2002 Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Bình Dương.
- 2003 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động Hạng ba.
- 2005 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động Hạng nhì.
SOTRANS là thành viên Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế (IATA).
- 2007 SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.
- 2009 SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009.
- 2010 Thành lập XN Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu điểm (SOTRANS Focus).
Thành lập Cảng Kho Vận (SOTRANS ICD).
Thành lập XN Vật tư Xăng dầu (SOTRANS Petrol).

1.1.3. **Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần :**

Sotrans chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 2007.

1.1.4. **Niêm yết :**

Sotrans niêm yết chính thức cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngày giao dịch đầu tiên: 02/03/2010.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã cổ phiếu: STG.
- Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng niêm yết: 8.351.857 cổ phần.
- Tổng giá trị niêm yết: 83.518.570.000 đồng (tính theo mệnh giá).

1.2. **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:**

1.2.1 **Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ thủ tục hải quan;
- Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (Cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu nhờn; kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt các loại.
- Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

1.2.2 **Tình hình hoạt động:**

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh kho đa chức năng.
- Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Cảng thông quan nội địa.
- Kinh doanh xăng dầu.
- **Dịch vụ kho đa chức năng:**
 - Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An...

- o Quận 4: Kho Bến Súc 5.000 m²
- o Quận 7: Kho Viconship 4.400 m²
- o Quận 9: Kho Phước Long 15.000 m²
- o Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức 10.000 m²
- o Kho, bãi Cảng ICD Phước Long 75.000 m²
- o Kho ngoại quan 1.000 m²
- o Các kho hợp tác kinh doanh tại TP. HCM, Bình Dương, Long An: khoảng 70.000 m²
- o Cảng kho vận tại Thủ Đức cầu cảng dài trên 400m
- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP. HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng: đại lộ Đông Tây nối liền tới khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đại lộ xuyên Á nối liền với các quốc gia Đông Nam Á.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai. SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.



▪ **Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế:**

- SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Asia + Australia: Australia, Banglades, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Srilanka, Philippin, Thailand, Taiwan, Russia.

Euro & Mediterranean: Belgium, Czech Republic, Denmark, Egypt, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libya, Maldives, Malta, Netherlands, Poland, Romania, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraine, United Kingdom.

America, Africa & Middle East: Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brasil, Canada, Cameroon, Chile, Colombia, Costa Rica, Ecuador, El Salvador, Ghana, Israel, Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagascar, Morocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Africa, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad & Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.

- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hẹn.
- Sotrans có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực đại lý giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.



▪ **Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu:**

- Sotrans cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn.

▪ **Dịch vụ cảng thông quan nội địa:**

- Cảng ICD Sotrans chính thức đi vào hoạt động vào năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, dây chuyền công nghệ cao, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty Thương mại và dịch vụ...
 - o Tổng số tiền đầu tư: 50 tỷ đồng.
 - o Diện tích: 9,4 ha (94.000 m²).
 - o Thời gian triển khai: 04/2010.
 - o Địa điểm: Km 09 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM.
- Các dịch vụ tại Sotrans ICD:
 - o Điểm thông quan nội địa.
 - o Nâng, hạ container.
 - o Đóng rút hàng tại bãi.
 - o Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
 - o Dịch vụ xếp dỡ container.
 - o Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
 - o Lắp đặt thiết bị.
 - o Thủ tục hải quan.
 - o Kho đóng hàng lẻ.
 - o Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
 - o Làm bao bì, đóng gói chân không và kẻ ký mã hiệu hàng hóa.
 - o Sửa chữa và vệ sinh container.
 - o Vận chuyển hàng nội địa.
 - o Hoạt động liên tục 24 giờ/ 7 ngày.

▪ **Kinh doanh xăng dầu:**

- Công ty là đại lý phân phối xăng và dầu DO cho Saigon Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ. Ngành kinh doanh xăng dầu của Sotrans có lợi thế về chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh và dịch vụ tốt.

1.3. Định hướng phát triển:

1.3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu tăng trưởng:

Tăng trưởng từ 10-15% hàng năm trong điều kiện tình hình kinh tế ổn định. Khi có biến động mạnh tác động đến ngành nghề kinh doanh như năm vừa qua, Sotrans phấn đấu ổn định doanh thu bán hàng qua các năm.

Mục tiêu lợi nhuận:

- Tăng trưởng lợi nhuận 5-10% mỗi năm.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: 18% mỗi năm.

Mục tiêu thương hiệu:

Thương hiệu Sotrans là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

Mục tiêu xã hội:

- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp. Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.

1.3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Mục tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011:

Bảng 1: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011

Chỉ tiêu	2009		2010		2011	
	Triệu đồng	% (+/-) so với 2008	Triệu đồng	% (+/-) so với 2009	Triệu đồng	% (+/-) so với 2010
Vốn điều lệ	83.520	32.520	83.520	-	83.520	-
Doanh thu thuần	500.000	(131.327)	540.000	40.000	600.000	60.000
Lợi nhuận sau thuế	21.000 ^(*)	(2.010)	23.000 (*)	2.000	24.000	1.000
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,2%	(0,55)%	3,7%	0,1%	4%	0,23%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	25,14%	(19,97)%	23,95%	(1,19)%	28,7%	4,75%
Cổ tức/Vốn điều lệ	18%		18%		18%	

(*): Năm 2009 và 2010, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Kể từ năm 2011 trở đi, Công ty trả mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Mục tiêu tăng trưởng thông qua đầu tư:

- **Đầu tư thiết bị cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD).**
- Giai đoạn I (2010-2012) thay thế cho khách hàng thuê trực tiếp khai thác như hiện nay.

- o Diện tích bãi cảng và kho: khoảng hơn 75.000 m², cầu cảng dài hơn 310 mét: 2 hạng mục này đã được đầu tư.
- o Trang thiết bị: Cầu cố định; xe nâng hạ container; xe vận tải trên 20 tấn và các thiết bị khác: ước khoảng 51,7 tỷ đồng.
- o Xây dựng, trang bị văn phòng Hải Quan; văn phòng ICD và địa điểm phụ trợ khác: ước khoảng 3,3 tỷ đồng.
- o Chi phí dự phòng: khoảng 500 triệu đồng.

Tổng giá trị đầu tư khoảng 55,5 tỷ đồng không tính hạ tầng kho, bãi cảng đã đầu tư.

Hiệu quả đầu tư:

- o Bình quân doanh thu thuần hàng năm: 60 -> 80 tỷ đồng.
- o Bình quân lợi nhuận sau thuế: 11 -> 27 tỷ đồng.
- o Bình quân lợi nhuận trên doanh thu: 18 -> 34%.
- o Lợi nhuận / Tổng mức đầu tư (ROI): 84 -> 260%.
- o Lợi nhuận/ Tổng tài sản đầu tư 91 -> 279%.

Chênh lệch tự quản lý điều hành/ Cho thuê ICD:

- o Doanh thu tăng khoảng 40 - 60 tỷ đồng.
- o Lợi nhuận tăng khoảng 5 - 21 tỷ đồng.
- Giai đoạn II (2013 – 2015): Đầu tư mở rộng ICD Sotrans:
 - o Diện tích bãi cảng và kho: khoảng 93.000 m² (tăng thêm 18.000 m²)
 - o Cầu cảng dài 410 mét.
 - o Trang thiết bị: bổ sung tăng tương ứng.
 - o Hiệu quả đầu tư tăng tương ứng mức đầu tư bổ sung.
- **Lập dự án đầu tư: Trung tâm tiếp vận thuộc tỉnh Đồng Nai khoảng 40 ha đất.**
 - Năm 2010: tiến hành lập hồ sơ xin thỏa thuận địa điểm đầu tư dự án.
 - Năm 2011: triển khai dự án: bồi thường nhận bàn giao mặt bằng.
 - Năm 2012: san lấp mặt bằng, triển khai dự án.
- **Đầu tư xây dựng trung tâm Thương mại, khách sạn, văn phòng (theo quy hoạch của TP.HCM).**
 - Khu đất dự kiến đầu tư: tại số 1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP.HCM và số 117A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q4, TP.HCM.
 - Địa điểm: bờ sông Sài Gòn và mặt tiền đường Nguyễn Tất Thành.
 - Diện tích đất: hơn 13.000 m².
 - Tiến độ dự án: đang chờ quy hoạch của Ủy Ban Nhân dân TP.HCM.

PHẦN II:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Thực hiện Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và Điều 25 Chương VIII Điều lệ Công ty cổ phần kho vận Miền Nam đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 21/10/2009. Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2009 cụ thể như sau:

2.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, trong đó 3 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập, tổ chức ngày 18/12/2006 và 2 thành viên được HĐQT quyết định bổ sung theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 21/10/2009.
- Năm 2009 có nhiều biến động do tác động bởi khủng hoảng tài chính quốc tế và suy giảm kinh tế trong nước, tổ chức hoạt động SXKD, tài chính của công ty cũng gặp khó khăn do phải tổ chức lại một số đơn vị trực thuộc, song với sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT đã có các Nghị quyết, định hướng phù hợp nên năm 2009 công ty đã đạt được kết quả SXKD khá cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường giao.

2.2. Kết quả thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

2.2.1. Công tác xây dựng và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Trình Đại hội đồng cổ đông chiến lược đầu tư phát triển kinh doanh trung hạn và hàng năm, tập trung phát triển lĩnh vực, ngành nghề có thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cao và khả năng sinh lời tốt, đồng thời quyết định giao kế hoạch SXKD hàng năm để Tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp. Kết quả đã đạt được một số chỉ tiêu kinh doanh cơ bản sau:
 - o Tổng doanh thu: 468,4 tỷ đạt 94% kế hoạch và = 74,2% năm 2008;
 - o Lợi nhuận trước thuế: 31,646 tỷ đạt 158,2% kế hoạch và = 137,5% năm 2008;
 - o Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 4.094 đồng, đồng thời vốn điều lệ tăng 83,5 tỷ đồng.
- Giám sát thực hiện chấm dứt hoạt động đơn vị trung tâm du lịch và chuyển nhượng bất động sản Trạm xăng dầu Ngũ Phúc-Đồng Nai đúng pháp luật và tại thời điểm có lợi cho công ty.
- Xem xét trình phương án phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đồng thời trình phương án niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM có tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 83.518 triệu đồng.

- Quyết định đầu tư thiết bị khai thác cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD) giai đoạn 2010 với mức đầu tư là 35 tỷ đồng trong tổng kế hoạch đầu tư là 50 tỷ đồng của giai đoạn I.
- Quyết định tổ chức lại Xí nghiệp hóa dầu Solube do hiệu quả SXKD thấp và đang tổ chức sản xuất trong khu vực phát triển ICD, đồng thời tổ chức 2 đơn vị mới trực thuộc công ty nhằm tăng tính chủ động, mở rộng thị trường và khách hàng mới để phát triển.

2.2.2. Công tác tài chính:

- Phê duyệt kế hoạch vốn năm 2009 đồng thời giám sát sử dụng vốn tiết kiệm-hiệu quả. Mặc dù hạn mức tín dụng được Vietcombank đồng ý cấp 70 tỷ nhưng Quý 1/2009 chỉ vay 13 tỷ và từ Quý 2/2009 Công ty không phải vay vốn kinh doanh tại ngân hàng.
- Phê duyệt báo cáo kiểm toán 6 tháng và năm 2009 đúng pháp luật và chuẩn mực kế toán.
- Đề xuất trả cổ tức năm 2009 là 18%/năm trong đó 16% trả bằng cổ phiếu và 2% bằng tiền mặt, trình phương án trích lập các quỹ công ty và giám sát thực hiện đúng pháp luật, quy chế của công ty.

2.3. CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ:

- HĐQT đã tổ chức họp 5 phiên thường kỳ, 2 phiên bất thường và 2 lần lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản để trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng giám đốc và nghe Tổng giám đốc báo cáo, giải trình kết quả SXKD của công ty.
- Trình sửa đổi điều lệ công ty theo điều lệ mẫu của công ty niêm yết.
- Quyết định tổ chức lại Xí nghiệp hóa dầu Solube, cụ thể là: Chấm dứt hoạt động xưởng sản xuất dầu nhớt Solube, duy trì kinh doanh xăng dầu và các ngành hàng khác có hiệu quả đồng thời thành lập 2 đơn vị trực thuộc công ty. Trong đó Sotrans ICD là đơn vị mới, Sotrans Focus được nâng cấp từ Phòng đại lý hàng không.
- Ủy quyền Tổng giám đốc tiến hành đăng ký hoạt động và bổ nhiệm cán bộ 2 đơn vị mới thành lập nêu trên.

2.4. THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG:

- Chỉ đạo công bố thông tin đúng quy định đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.

- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng luật và điều lệ công ty.

2.5. KẾT LUẬN:

- Năm 2009, mặc dù hoạt động SXKD vẫn gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới chưa được phục hồi, đầu tư và xuất nhập khẩu đạt thấp hơn năm trước, song HĐQT đã kịp thời định hướng phù hợp, tập trung chỉ đạo điều hành để ổn định các lĩnh vực SXKD chủ lực như kho vận giao nhận, giải thể, chấm dứt hoạt động một số đơn vị kém hiệu quả, sắp xếp lao động hợp lý và sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Các giải pháp trên đã đem lại lợi nhuận cao hơn kế hoạch và năm trước, giảm được dự phòng tài chính từ đầu tư tài chính ngắn hạn và giảm giá hàng tồn kho do tiêu thụ chậm...
- Kết quả báo cáo tài chính cuối năm về vốn điều lệ tăng 32.518 triệu đồng (từ 51 tỷ lên 83,5 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế tăng 8.636 triệu so với năm 2008 và đạt 158% so với kế hoạch.
- Thay đổi lớn về chiến lược kinh doanh: Trực tiếp tổ chức khai thác ICD thay hình thức cho thuê để đơn vị khác đứng tên khai thác đồng thời mở rộng hình thức quản lý kho hàng (thuê nhà xưởng của đơn vị khác để tổ chức kinh doanh kho), đây là hình thức kinh doanh không phải đầu tư, ít rủi ro và có lãi ổn định.
- Triển vọng phát triển lĩnh vực kho vận giao nhận và các dịch vụ logistics có nhiều cơ hội phát triển bền vững và mang lại hiệu quả kinh doanh cho công ty, giá trị doanh nghiệp và lợi ích cổ đông được tăng trưởng.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành. Ý kiến của quý vị là sự hợp tác không thể thiếu để giúp HĐQT hoạt động tốt hơn trong năm 2010.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký)

HOÀNG QUYẾN

PHẦN III:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2009
&
MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

3.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY:

- Tên doanh nghiệp : **Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**
- Tên tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Sotrans
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax: (84.8) 3826 6593
- Email : info@sotrans.com.vn
- Website : www.sotrans.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ thủ tục hải quan;
- Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (Cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (Logistics center).
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu nhờn; kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt các loại.
- Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

3.2. HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2009:

3.2.1. Môi trường kinh doanh:

- **Cơ hội:**
 - Chính sách vĩ mô đã có phản ứng kịp thời bằng giải pháp tài chính nhằm giảm bớt đà suy giảm kinh tế trong nước, cụ thể là hỗ trợ lãi suất, miễn giảm, giãn thời gian nộp thuế, cắt giảm những hạng mục đầu tư chưa thật cần thiết, khuyến khích và thúc đẩy sản xuất, xuất nhập khẩu phát triển.
 - Mục tiêu SXKD của Công ty được tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề, kinh doanh đang có thế mạnh, uy tín và sức cạnh tranh cao (lĩnh vực kho vận giao nhận) đồng thời quyết định giảm một số ngành nghề, đơn vị SXKD kém hiệu quả.

- Ổn định đội ngũ cán bộ điều hành từ công ty đến các đơn vị trực thuộc đồng thời tiếp tục bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao kỹ năng làm việc chuyên nghiệp hơn.
- **Thách thức:**
 - Hàng hóa xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục giảm, giá cước vận tải đi một số tuyến Quốc tế có thời điểm giảm trên 70% đã ảnh hưởng nghiêm trọng trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa XNK và Đại lý giao nhận vận tải Quốc tế.
 - Giá dầu mỏ Quốc tế biến động, giá bán lẻ xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng, giảm gần 10 lần trong năm cũng là những khó khăn lớn trong lĩnh vực SXKD xăng dầu nhớt của công ty.
 - Giải thể 2 đơn vị trực thuộc, giải quyết mất việc làm cho một số lao động cũng tác động đến tâm tư lực lượng lao động của công ty.

3.2.2. **Tình hình hoạt động SXKD:**

- **Tổ chức và quản lý nghiệp vụ hành chính:**
 - Tổ chức bộ máy công ty năm 2009 có 6 đơn vị trực tiếp SXKD, 3 phòng quản lý nghiệp vụ, hành chính và 1 công ty liên doanh với nước ngoài, tỷ lệ vốn góp 35% tương đương 105.000 USD.
 - Nguồn nhân lực: Lao động đầu kỳ 386 người, tăng trong năm 42 người và giảm trong năm 82 người, lao động cuối kỳ còn 346 người. Xét bổ nhiệm 1 trưởng phòng, 1 giám đốc chi nhánh và 14 trưởng- phó phòng các đơn vị trực thuộc công ty. Đảm quyền lợi của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN và các phúc lợi xã hội khác cao hơn chế độ quy định của Nhà Nước.
 - Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghề cho 51 lao động, tổ chức hội nghị Sales-Marketing, hội nghị kế toán để trao đổi nâng cao kỹ năng làm việc thực tế cho người lao động.
 - Kế toán tài chính: Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về thuế và các chuẩn mực kế toán, tổ chức kê khai, hạch toán đúng chế độ, theo dõi quản lý, sử dụng vốn và tài sản hợp lý, hiệu quả để đáp ứng yêu cầu SXKD. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và nộp ngân sách đúng quy định.
- **Thị trường sản phẩm:**
 - **Dịch vụ Logistics:** Lĩnh vực kinh doanh kho vận giao nhận là ngành nghề trọng tâm, chiến lược của công ty, doanh thu đạt 310,5 tỷ = 66,3% tổng doanh thu, lợi nhuận đạt 24,7 tỷ = 78,3% tổng lợi nhuận. Đạt được kết quả trên là nhờ khai thác tốt các kho hợp tác, mở rộng kho thuê ngoài và tăng dịch vụ đóng gói, giữ được

khách hàng có lượng hàng hóa lớn; Riêng ngành nghề Đại lý giao nhận vận tải Quốc tế và giao nhận hàng hóa XNK, tuy rất cố gắng song kết quả doanh thu và lợi nhuận 2009 đạt thấp hơn 2008.

- **SXKD xăng, dầu- nhớt:** Sự biến động về giá thế giới và trong nước luôn là thách thức lớn, mặt khác giá mua bán hoàn toàn phụ thuộc vào các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu cũng làm hạn chế trong kinh doanh, về SXKD nhớt do tiếp tục phải xử lý nguyên liệu giá cao tồn kho từ năm trước đồng thời phải cạnh tranh với một số cơ sở pha chế thủ công của các hộ kinh doanh nên kết quả doanh thu, lợi nhuận giảm hơn năm trước. Thị trường và khách hàng cũng giảm đáng kể vì lợi nhuận thấp phải cắt giảm khuyến mại. Doanh thu đạt 156,6 tỷ = 33,4% tổng doanh thu và = 76,4% năm 2008; Lợi nhuận đạt 2,1 tỷ = 6,6% tổng lợi nhuận và = 41,3% năm 2008.
- **Dịch vụ cảng thông quan nội địa (ICD):** Tập trung hoàn tất các thủ tục pháp lý; Đầu tư thiết bị, phương tiện; Cải tạo, sửa chữa cơ sở làm việc và tuyển dụng, huấn luyện nhân viên để cảng chính thức đứng tên làm thủ tục thông quan hàng hóa XNK từ tháng 4/2010. Đây là lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mới và có triển vọng mang lại lợi nhuận cao hơn cho các năm sau.

3.2.3. **Kết quả sản xuất kinh doanh (Xem báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009):**

- Tổng Doanh thu: 468,4 tỷ đạt 94% nghị quyết đại hội và bằng 74,2% năm 2008; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 31,646 tỷ đạt 158,2% nghị quyết đại hội và bằng 137,5% năm 2008.
- Lợi ích của cổ đông và người lao động:
 - o Cổ đông: Nhận cổ phiếu thưởng tỷ lệ 3/8 và nhận cổ tức 16% bằng cổ phiếu đồng thời kể từ ngày 02/3/2010 cổ phiếu của công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM; Tỷ lệ trả cổ tức tăng 3%(18%/15%). Số tiền trả cổ tức năm 2009: 13.189 triệu, tăng hơn so với nghị quyết đại hội là: 3.964 triệu đồng.
 - o Người lao động: Đảm bảo việc làm, tương đối ổn định(trừ đơn vị bị giải thể) tổng thu nhập(tiền lương, thưởng lễ-tết) sau thuế bình quân khoảng 9 triệu đồng/người/tháng và được hưởng phúc lợi xã hội tương đối tốt như tham quan nghỉ dưỡng, BHXH, BHYT, khám sức khỏe hàng năm...

3.3. **MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:**

3.3.1. **Môi trường kinh doanh:**

- **Điểm mạnh:** Được sở hữu diện tích kho, bãi khá lớn và tọa lạc tại các vị trí thuận lợi về điều kiện kinh doanh, nguồn nhân lực đạt trình độ chuyên nghiệp cao, năng

động. Sotrans là một trong những thương hiệu mạnh, uy tín về hoạt động Logistics.

- **Điểm yếu:** Kho và thiết bị bốc xếp quá cũ, kỹ thuật lạc hậu, công suất sử dụng thấp; sản phẩm dịch vụ mới chưa nhiều, tính cạnh tranh thấp, công nghệ quản lý trung bình, năng suất chưa cao.
- **Cơ hội:** Nhận định chung kinh tế thế giới và trong nước năm 2010 sẽ tăng trưởng cao hơn năm trước, hoạt động SXKD và XNK tiếp tục phát triển, đó chính là nguồn lực, là cơ hội phát triển dịch vụ logistics. Mặt khác, công ty trực tiếp khai thác ICD, nâng cấp và tổ chức lại 3 đơn vị SXKD trực thuộc cũng chính là cơ hội để tăng năng suất, hiệu quả kinh doanh của công ty.
- **Thách thức:** Thị trường tiếp tục bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp trong và ngoài nước; nguồn vốn ít; khả năng huy động vốn để đầu tư đổi mới và mở rộng năng lực kinh doanh Logistics gặp nhiều khó khăn. Thời hạn thuê đất của nhà nước quá ngắn (thuê từng năm và 10 năm) cũng là thách thức lớn để đầu tư phát triển.

3.3.2. **Mục tiêu:**

- Đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ và tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực để trở thành công ty hàng đầu về dịch vụ logistics (kho vận giao nhận, khai thác cảng). Năm 2010 tập trung tổ chức khai thác cảng đồng thời mở rộng loại hình quản lý kho, phát triển quan hệ đại lý với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế. Phần đầu doanh thu đạt 489 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 36 tỷ đồng, dự kiến chia cổ tức 18%/năm/mệnh giá cổ phiếu. Đảm bảo tiền lương sau thuế không thấp hơn 7,5 triệu đồng/người/tháng.
- Tiếp tục xây dựng thương hiệu Sotrans mạnh-uy tín.

3.3.3. **Kế hoạch chỉ tiêu kinh doanh:**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu Lĩnh vực SXKD	Lao động BQ/năm (người)	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Tiền lương Bình quân 1 LĐ/tháng
1. Kho vận giao nhận	282	346.500	20.000	8,0
2. ICD	85	33.000	5.000	6,6
3. Xăng dầu	23	100.000	2.000	5,0
4. Khác		9.500	9.000	
5. Toàn công ty	390	489.000	36.000	>= 7,5

3.4. CÁC GIẢI PHÁP TRONG TÂM:

3.4.1. Tổ chức:

- Thành lập xí nghiệp Giao nhận vận tải Quốc tế Tiêu Điểm trên cơ sở nâng cấp phòng Đại lý hàng không.
- Thành lập cảng kho vận(Sotrans ICD), trực tiếp tổ chức khai thác cảng nội địa sau khi chấm dứt hợp đồng cho Công ty cảng Phước Long thuê kể từ tháng 4/2010.
- Tổ chức lại Xí nghiệp Hóa dầu Solube do hiệu quả SXKD thấp, xưởng sản xuất trong khu vực kho, cảng ICD không phù hợp để duy trì sản xuất. Cụ thể là chấm dứt hoạt động xưởng sản xuất nhớt Solube, thanh lý một số tài sản không còn nhu cầu sử dụng và giải quyết lao động dôi dư mất việc làm. Duy trì kinh doanh xăng dầu và một số ngành nghề kinh doanh khác có hiệu quả.
- Giải thể Chi nhánh Cần Thơ vì chi nhánh chỉ kinh doanh một mặt hàng là bán dầu nhớt Solube. Do vậy, khi chấm dứt hoạt động xưởng sản xuất nhớt Solube thì Chi nhánh Cần thơ không còn mặt hàng kinh doanh.

3.4.2. Đầu tư:

- Đầu tư thiết bị phương tiện(cầu, xe nâng hạ container, máy phát điện...) trang bị công cụ quản lý, khai thác cảng, vốn đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.
- Đầu tư 2 xe công tác; sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc, sửa chữa kho, bãi, nhà xưởng và trang bị bổ sung công cụ lao động...Vốn đầu tư, sửa chữa khoảng 5-6 tỷ đồng.
- Tiếp tục trình dự án đầu tư khu hậu cần sau hệ thống cảng biển Cái Mép-Thị Vải, diện tích khu đất dự kiến khoảng 40ha thuộc huyện Long Thành- tỉnh Đồng Nai.
- Tiếp tục theo dõi quy hoạch của TP.HCM trên khu đất công ty đang thuê làm văn phòng, kho tại số 1B Đường Hoàng Diệu và số 117 Nguyễn Tất Thành, quận 4 để đăng ký đầu tư các công trình phù hợp.

3.4.3. Chiến lược thị trường, sản phẩm:

▪ Dịch vụ Kho vận-giao nhận:

- Tăng cường hợp tác quản lý kinh doanh kho hàng với các đơn vị có nhà-xưởng nhưng không có chuyên môn, kinh nghiệm khai thác, kinh doanh kho-bãi; Xây dựng hệ thống quy trình quản lý kho tiên tiến theo chất lượng ISO; Bảo đảm chất lượng dịch vụ đúng quy trình chuẩn đã công bố hoặc đã giới thiệu, gửi thư mời chào đến khách hàng.
- Tập trung nghiên cứu, phân tích thị trường, nhu cầu khách hàng để cung cấp đến khách hàng những sản phẩm dịch vụ mới được tích hợp cao hơn đem lại giá trị gia tăng cao, thỏa mãn mong muốn của khách hàng.

- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các hãng máy bay, hãng tàu, các nhà thầu phụ để có giá cạnh tranh tốt, củng cố và phát triển hệ thống đại lý quốc tế, đặc biệt chú trọng một số thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản và thị trường mới nổi như Ấn Độ, Nam Phi...
- **Dịch vụ Cảng thông quan nội địa (ICD):**
 - Nghiên cứu, áp dụng một số ưu đãi để thu hút khách hàng, xây dựng một số quy trình khai thác cảng thông thoáng, hiệu quả và mang lại lợi ích cho khách hàng về thời gian và chi phí.
 - Chú trọng chất lượng, tính chuyên nghiệp cho tất cả các dịch vụ cảng, phối hợp với hải quan giải quyết thỏa đáng mọi yêu cầu của khách hàng.
- **Kinh doanh xăng dầu:**
 - Tổ chức tốt bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng đồng thời hợp tác chặt chẽ với các đơn vị nhập khẩu dầu môi đã ký hợp đồng đại lý để có thông tin sớm về các đợt điều chỉnh giá.
 - Xây dựng quy trình ưu đãi, thưởng khách hàng ký hợp đồng mua xăng dầu với số lượng lớn, thanh toán ngay khi nhận hàng.

3.4.4. **Chiến lược thương hiệu:**

- Tiếp tục phát triển và nâng cao vị thế uy tín thương hiệu Sotrans, tham gia một số giải thưởng uy tín có tầm ảnh hưởng rộng để khẳng định Sotrans là thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế.
- Nghiên cứu xây dựng và thực hiện chiến lược marketing năm 2010, đặc biệt chú trọng lĩnh vực dịch vụ Cảng (ICD) kết hợp tuyên truyền kỷ niệm 35 năm hình thành và phát triển công ty Sotrans, tạo ấn tượng tốt đẹp với bạn hàng trong và ngoài nước.

3.4.5. **Các giải pháp khác:**

- Xây dựng hệ thống quy trình quản lý kho theo tiêu chuẩn ISO.
- Đề xuất phương án bán-thanh lý số máy móc, thiết bị thuộc xưởng sản xuất dầu nhớt Solube khi tiến hành tổ chức lại Xí nghiệp hóa dầu Solube đồng thời giải thể chi nhánh Cần Thơ.
- Bán(chuyển nhượng) tài sản và quyền sử dụng đất tại Đà Lạt(hiện trạng có 1 nhà cấp 4 khoảng 40m² tọa lạc trên khu đất gần 800m²) để tập trung vốn kinh doanh lĩnh vực khác hiệu quả hơn.
- Lập hồ sơ dự án xin chuyển mục đích sử dụng khu đất thuê tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức hiện đang khai thác Cảng nội địa và kinh doanh kho, bán lẻ xăng dầu để phù hợp qui hoạch phát triển quận Thủ Đức đã được UBND thành

phổ chấp thuận năm 2008 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua về chủ trương.

3.5. **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH:**

3.5.1. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010:**

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2010	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Đồng	83,518,570,000	
2	Tổng doanh thu	Đồng	489,000,000,000	
3	Doanh thu thuần	Đồng	489,000,000,000	
4	Tổng chi phí	Đồng	453,000,000,000	
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	Đồng	<i>1,600,000,000</i>	<i>Vốn vay BQ khoảng 20 tỷ/tháng.</i>
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36,000,000,000	
6	Thuế TNDN 50%*25%	Đồng	5,625,000,000	
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	30,375,000,000	
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	36.37	
9	Thuế TNDN Giảm 50% - Bổ sung quỹ ĐTPT	Đồng	3,375,000,000	
10	Trích LNST làm công tác từ thiện	Đồng	200,000,000	
11	LN còn lại để phân phối quỹ và trả cổ tức (A)	Đồng	26,800,000,000	
12	Phân phối lợi nhuận sau thuế			
	- Quỹ dự phòng tài chính (10% (A -cổ tức))	Đồng	1,176,665,740	
	- Quỹ đầu tư phát triển (LNST còn lại)	Đồng	4,830,994,718	
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (30% (A-cổ tức))	Đồng	3,529,997,220	
	- Quỹ khác (3% A - cổ tức)	Đồng	352,999,722	
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% A)	Đồng	1,340,000,000	
	- Thù lao HĐQT, BKS và thư ký (2% A)	Đồng	536,000,000	
	+ Thù lao HĐQT và thư ký (1,5% A)	Đồng	402,000,000	
	+ Thù lao Ban kiểm soát (0,5% A)	Đồng	134,000,000	
13	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	18	
14	Số tiền chia cổ tức	Đồng	15,033,342,600	
15	Số lao động bình quân	Người	390	
16	Lương được trích (Tổng Dthu - chi phí trước lương)	%	59	

3.5.2. **Phương án trả cổ tức:**

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Nghị Quyết 2009	Thực hiện 2009	Chênh lệch
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20,000,000,000	31,646,178,667	11,646,178,667
2	Thuế TNDN	Đồng	5,000,000,000	8,000,688,097	3,000,688,097
	- Nộp nhà nước 50%	Đồng	2,500,000,000	2,654,939,656	154,939,656

	- Giảm 50% - Bổ sung quỹ ĐTPT	Đồng	2,500,000,000.00	2,654,939,656.00	154,939,656
	- Nộp 25% phần lãi thu nhập khác	Đồng		2,601,665,355	2,601,665,355
	- Nộp 25% phần lãi thu nhập khác (chênh lệch tỷ giá)	Đồng		89,143,430	89,143,430
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	15,000,000,000	23,645,490,570	8,645,490,570
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	20.83	36.81	15.98
5	Trích LNST làm công tác từ thiện	Đồng	200,000,000	200,000,000	-
6	Trừ nộp phạt truy thu thuế QT TTDL	Đồng		6,501,289	6,501,289
7	LN còn lại để phân phối quỹ và trả cổ tức (A)	Đồng	14,800,000,000	23,438,989,281	8,638,989,281
8	Trả cổ tức 18%	Đồng	9,225,000,000	13,188,941,400	3,963,941,400
9	Phân phối lợi nhuận sau thuế				-
	- Quỹ dự phòng tài chính (10% (A -cổ tức))	Đồng	557,500,000	1,025,004,788	467,504,788
	- Quỹ đầu tư phát triển (LNST còn lại)	Đồng	2,141,750,000	4,201,798,043	2,060,048,043
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (30% (A-cổ tức))	Đồng	1,672,500,000	3,075,014,364	1,402,514,364
	- Quỹ khác (3% (A - cổ tức))	Đồng	167,250,000	307,501,436	140,251,436
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% A)	Đồng	740,000,000	1,171,949,464	431,949,464
	- Thù lao HĐQT, BKS và thư ký (2% A)	Đồng	296,000,000	468,779,786	172,779,786
	+ Thù lao HĐQT và thư ký (1,5% A)	Đồng	222,000,000	351,584,839	129,584,839
	+ Thù lao Ban kiểm soát (0,5% A)	Đồng	74,000,000	117,194,946	43,194,946

3.6. HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ KẾT LUẬN:

3.6.1. Chỉ tiêu cơ bản:

- Tổng doanh thu: 489 tỷ.
- Lợi nhuận trước thuế: 36 tỷ.
- Lợi nhuận sau thuế: 30 tỷ.
- Tổng tài sản: 170 tỷ trong đó vốn chủ sở hữu: 106 tỷ.
- Vốn điều lệ: 83,518 tỷ.
- Lao động bình quân: 390 người.
- Quỹ lương: Bằng 59%(Tổng doanh thu-Chi phí trước lương).
- Bình quân lương tháng/1 lao động $\geq$ 7,5 triệu đồng.

3.6.2. Chỉ tiêu hiệu quả:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 17,6%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu: 6,1%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 28,3%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: 35,9%.
- Lãi cơ bản/Cổ phiếu: 3.590 đồng.

Báo cáo kết quả SXKD năm 2009 và kế hoạch năm 2010 được trình bày trên cơ sở thực hiện năm 2009 kết hợp các yếu tố về môi trường kinh doanh, tăng-giảm ngành nghề và

tổ chức lại một số đơn vị SXKD. Do đó, một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2010 có thể phải điều chỉnh giảm nếu đầu tư và XNK giảm.

Kính trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

TM. BAN LÃNH ĐẠO CTY

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

HOÀNG QUYẾN

PHẦN IV:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

*Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27/09/2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2009 với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan. Dịch vụ phát chuyển nhanh. Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảng và chuyển tải hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ);
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng. Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa. Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa. Đại lý bảo hiểm;
- Cho thuê xe ô tô;
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé tàu thủy;
- Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	Km9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Du lịch Dịch vụ Thương mại Miền Nam (*)	Số 117A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP.HCM
Xí nghiệp Hóa Dầu Solube	Số 18 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh Vật tư Nhiên liệu Ngũ Phúc (*)	Số 836 Hồ Nai 3, Đồng Nai
Chi nhánh Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	Số 30 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Cần Thơ	Số 08 Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ
Trạm kho Bến Súc (**)	Số 1/7 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

(*) Trung tâm Du lịch Dịch vụ và Thương mại Miền Nam và Trạm kinh doanh Vật tư Nhiên liệu Ngũ Phúc đã giải thể lần lượt theo Quyết định số 116/QĐ-KVMN ngày 24/04/2009 và số 323/QĐ-KVMN ngày 19/10/2009.

(**) Trạm kho Bến Súc sáp nhập vào Xí Nghiệp Dịch vụ Kho vận giao nhận theo QĐ số 146/QĐ-KVMN ngày 14/05/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Hoàng Quyến	Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Chủ tịch
Ông Trần Huy Hiền	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/11/2009)
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/11/2009)
Ông Võ Thành Lâm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/10/2009)
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/10/2009)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Hoàng Quyến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Huy Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phan Đình Bội	Trưởng ban
Ông Trần Văn Đức	Thành viên
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên

KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc**

Hoàng Quyến

Số :211/2010/BC.KTTC-AASC.KT02

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam được lập ngày 22/03/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biễn
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		135,719,211,386	93,024,682,115
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	50,027,601,896	8,836,062,738
111	1 Tiền		20,027,601,896	8,836,062,738
112	2 Các khoản tương đương tiền		30,000,000,000	-
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3,647,898,810	4,030,240,700
121	1 Đầu tư ngắn hạn		6,997,209,090	12,234,378,877
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3,349,310,280)	(8,204,138,177)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		52,516,129,698	44,180,767,700
131	1 Phải thu của khách hàng		47,707,953,378	36,370,440,914
132	2 Trả trước cho người bán		295,327,374	4,588,458,218
135	3 Các khoản phải thu khác	5	4,596,705,611	3,523,664,311
139	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(83,856,665)	(301,795,743)
140	IV Hàng tồn kho	7	21,264,994,049	30,951,474,916
141	1 Hàng tồn kho		21,264,994,049	33,670,366,580
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(2,718,891,664)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		8,262,586,933	5,026,136,061
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1,296,818,507	51,476,268
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		83,147,610	1,182,910,107
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	755,077,680	715,601,369
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	10	6,127,543,136	3,076,148,317
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		22,669,610,175	28,584,785,315
220	II Tài sản cố định		19,488,433,733	25,607,058,976
221	1 Tài sản cố định hữu hình	11	17,754,422,426	22,784,689,209
222	- Nguyên giá		74,369,307,529	77,450,773,931
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(56,614,885,103)	(54,666,084,722)
227	2 Tài sản cố định vô hình	12	1,734,011,307	1,571,265,507
228	- Nguyên giá		2,250,624,731	1,907,978,837
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(516,613,424)	(336,713,330)
230	3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	-	1,251,104,260
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1,680,000,000	1,680,000,000
252	1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14	1,680,000,000	1,680,000,000
260	V Tài sản dài hạn khác		1,501,176,442	1,297,726,339
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	15	983,223,030	774,772,927
268	2 Tài sản dài hạn khác	16	517,953,412	522,953,412
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		158,388,821,561	121,609,467,430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		56,300,555,848	41,276,853,588
310	I Nợ ngắn hạn		55,805,846,718	40,801,202,588
311	1 Vay và nợ ngắn hạn		-	13,214,047,950
312	2 Phải trả người bán		22,852,935,278	10,273,784,346
313	3 Người mua trả tiền trước		962,021,626	1,410,508,853
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4,695,980,447	1,437,276,490
315	5 Phải trả người lao động		14,492,870,811	8,949,463,694
316	6 Chi phí phải trả	18	293,819,016	353,088,351
319	7 Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	12,508,219,540	5,163,032,904
330	II Nợ dài hạn		494,709,130	475,651,000
333	1 Phải trả dài hạn khác		297,651,000	325,651,000
335	2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20	89,143,430	-
336	3 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		107,914,700	150,000,000
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		102,088,265,713	80,332,613,842
410	I Vốn chủ sở hữu	21	98,445,315,882	77,532,498,290
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		83,518,570,000	51,000,000,000
413	2 Vốn khác của chủ sở hữu		2,906,976,300	1,735,026,836
416	3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		103,073,419	-
417	4 Quỹ đầu tư phát triển		7,800,872,045	21,944,134,346
418	5 Quỹ dự phòng tài chính		2,965,054,250	1,940,049,462
419	6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1,150,769,868	913,287,646
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		3,642,949,831	2,800,115,552
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3,642,949,831	2,800,115,552
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		158,388,821,561	121,609,467,430

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
1	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	463,081,203,357	473,310,017,568
2	Nợ khó đòi đã xử lý	65,460,900	141,650,700
3	Ngoại tệ các loại		
	- USD	132,848.91	74,684.23
	- EUR	1,000.90	7,889.61

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Mùi

Trương Văn Thuận

Hoàng Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2009*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	468,445,219,812	631,327,030,337
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		468,445,219,812	631,327,030,337
11	4 Giá vốn hàng bán	23	368,985,774,017	525,416,380,148
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		<u>99,459,445,795</u>	<u>105,910,650,189</u>
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,995,463,344	3,473,185,035
22	7 Chi phí tài chính	25	(2,413,727,708)	13,623,252,041
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		217,951,127	1,777,264,253
24	8 Chi phí bán hàng		62,260,396,799	64,452,676,910
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,804,749,878	9,293,586,343
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		<u>28,803,490,170</u>	<u>22,014,319,930</u>
31	11 Thu nhập khác	26	4,004,856,165	1,069,736,317
32	12 Chi phí khác	27	1,162,167,668	73,218,821
40	13 Lợi nhuận khác		2,842,688,497	996,517,496
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		<u>31,646,178,667</u>	<u>23,010,837,426</u>
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	5,256,605,011	-
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		89,143,430	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>26,300,430,226</u>	<u>23,010,837,426</u>
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	4,094	4,512

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Mùi

Trương Văn Thuận

Hoàng Quyển

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm 2009**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		529,272,372,185	631,327,030,337
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(435,456,046,348)	(569,936,821,780)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(42,192,931,530)	(45,699,964,569)
04	Tiền chi trả lãi vay		(217,951,127)	(1,777,264,253)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1,875,000,000)	-
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4,985,989,869	2,800,809,669
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3,180,840,685)	(2,394,635,007)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		51,335,592,364	14,319,154,397
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(980,577,810)	(2,878,772,082)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3,237,833,194	667,252,273
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6,864,946,135)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3,387,462,000	2,347,919,101
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		523,850,116	774,589,856
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6,168,567,500	(5,953,956,987)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		10,190,746,267	81,371,281,198
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(23,404,794,217)	(84,495,360,519)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,060,000,000)	(10,714,860,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16,274,047,950)	(13,838,939,321)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		41,230,111,914	(5,473,741,911)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8,836,062,738	14,306,041,261
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(38,572,756)	3,763,388
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		50,027,601,896	8,836,062,738

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Mùi

Trương Văn Thuận

Hoàng Quyến

PHẦN V:

**BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27/09/2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2009 với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan. Dịch vụ phát chuyển nhanh. Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảng và chuyển tải hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ);
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng. Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa. Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa. Đại lý bảo hiểm;
- Cho thuê xe ô tô;
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé tàu thủy;
- Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	Km9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Du lịch Dịch vụ Thương mại Miền Nam (*)	Số 117A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP.HCM
Xí nghiệp Hóa Dầu Solube	Số 18 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Trạm kinh doanh Vật tư Nhiên liệu Ngũ Phúc (*)	Số 836 Hồ Nai 3, Đồng Nai
CN Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	Số 30 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Hà Nội
CN Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Cần Thơ	Số 08 Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ
Trạm kho Bến Súc (**)	Số 1/7 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

(*) Trung tâm Du lịch Dịch vụ và Thương mại Miền Nam và Trạm kinh doanh Vật tư Nhiên liệu Ngũ Phúc đã giải thể lần lượt theo Quyết định số 116/QĐ-KVMN ngày 24/04/2009 và số 323/QĐ-KVMN ngày 19/10/2009.

(**) Trạm kho Bến Súc sáp nhập vào Xí Nghiệp Dịch vụ Kho vận giao nhận theo QĐ số 146/QĐ-KVMN ngày 14/05/2009.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và được lập vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước để tính giá xuất của hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập, hoàn nhập vào thời điểm cuối năm hoặc vào thời điểm giữa niên độ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hóa
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Thay đổi chính sách kế toán trong năm

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	2,201,372,400	2,665,414,100
Tiền gửi ngân hàng	17,432,209,496	6,170,648,638
Tiền đang chuyển	394,020,000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	30,000,000,000	-
Cộng	50,027,601,896	8,836,062,738

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 4, căn cứ các Hợp đồng cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng		Số tiền	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Ngày đầu tư	Ngày đến hạn
	Số	Ngày					
1	04/2009/HĐTG/NH N ₀ 4-SOTRANS	10/7/2009	10,000,000,000	3 tháng	8.8%	10/7/2009	1/7/2010
2	05/2009/HĐTG/NH N ₀ 4-SOTRANS	10/21/2009	5,000,000,000	3 tháng	8.8%	10/21/2009	1/21/2010
3	07/2009/HĐTG/NH N ₀ 4-SOTRANS	12/1/2009	10,000,000,000	34 ngày	9.8%	12/1/2009	1/4/2010
4	08/2009/HĐTG/NH N ₀ 4-SOTRANS	12/11/2009	5,000,000,000	1 tháng	10.0%	12/11/2009	1/11/2010

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	6,997,209,090	12,234,378,877
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3,349,310,280)	(8,204,138,177)
Cộng	3,647,898,810	4,030,240,700

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Văn phòng Công ty	408,845,030	50,544
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	795,826,856	725,392,514
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	2,928,818,330	2,500,526,493
Trung tâm Du lịch Dịch vụ Thương mại Miền Nam	-	160,757,704
Xí nghiệp Hóa Dầu Solube	75,642,014	91,727,703
Chi nhánh Công ty CP Kho vận miền Nam tại Hà Nội	15,279,281	44,714,605
Chi nhánh Công ty CP Kho vận miền Nam tại Cần Thơ	-	494,748
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	372,294,100	-
Cộng	4,596,705,611	3,523,664,311

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	36,263,429	219,630,356
CN Công ty CP Kho vận miền Nam tại Hà Nội	47,593,236	82,165,387
Cộng	83,856,665	301,795,743

7 . HÀNG TỒN KHO

	01/01/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2,130,545,455	-
Nguyên liệu, vật liệu	11,884,011,915	23,589,983,632
Công cụ, dụng cụ	805,211,420	1,474,050,062
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7,349,798	7,574,156
Thành phẩm	4,503,252,130	7,058,355,838
Hàng hoá	1,934,623,331	1,540,402,892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2,718,891,664)
Cộng	21,264,994,049	30,951,474,916
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:	2,718,891,664	-

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí thực hiện các hợp đồng	1,287,089,941	-
Chi phí khác	9,728,566	51,476,268
Cộng	1,296,818,507	51,476,268

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	755,077,680	715,601,369
Cộng	755,077,680	715,601,369

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	6,125,543,136	3,074,148,317
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2,000,000	2,000,000
Cộng	6,127,543,136	3,076,148,317

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	52,585,885,686	6,919,316,508	16,223,290,137	1,722,281,600	77,450,773,931
Số tăng trong kỳ	271,862,727	-	269,701,905	96,367,284	637,931,916
- Mua sắm mới	-	-	269,701,905	96,367,284	366,069,189
- Xây dựng mới	271,862,727	-	-	-	271,862,727
Số giảm trong kỳ	2,227,423,400	31,510,727	1,394,495,391	65,968,800	3,719,398,318
- Thanh lý	2,197,800,000	31,510,727	1,394,495,391	65,968,800	3,689,774,918
- Giảm khác	29,623,400	-	-	-	29,623,400
Số cuối kỳ	50,630,325,013	6,887,805,781	15,098,496,651	1,752,680,084	74,369,307,529
II Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	35,886,339,096	5,160,985,149	12,453,256,186	1,165,504,291	54,666,084,722
Khấu hao trong kỳ	2,908,399,647	419,718,471	1,060,930,632	165,097,292	4,554,146,042
Giảm trong kỳ	1,968,724,025	29,043,415	541,609,421	65,968,800	2,605,345,661
- Thanh lý	1,939,100,625	29,043,415	541,609,421	65,968,800	2,575,722,261
- Giảm khác	29,623,400	-	-	-	29,623,400
Số cuối kỳ	36,826,014,718	5,551,660,205	12,972,577,397	1,264,632,783	56,614,885,103
III Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	16,699,546,590	1,758,331,359	3,770,033,951	556,777,309	22,784,689,209
Tại ngày cuối kỳ	13,804,310,295	1,336,145,576	2,125,919,254	488,047,301	17,754,422,426

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng:

23,477,297,027 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

1,114,841,248 đồng

12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	1,287,550,000	-	472,650,750	147,778,087	1,907,978,837
Số tăng trong kỳ	-	-	312,543,000	30,102,894	342,645,894
- Mua sắm mới	-	-	312,543,000	30,102,894	342,645,894
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ:	1,287,550,000	-	785,193,750	177,880,981	2,250,624,731
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	68,669,344	-	129,447,456	138,596,530	336,713,330
Khấu hao trong kỳ	25,751,004	-	144,455,714	9,693,376	179,900,094
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	94,420,348	-	273,903,170	148,289,906	516,613,424
III Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	1,218,880,656	-	343,203,294	9,181,557	1,571,265,507
Tại ngày cuối kỳ	1,193,129,652	-	511,290,580	29,591,075	1,734,011,307

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic	-	1,251,104,260
Cộng	-	1,251,104,260

Ghi chú:

Theo hợp đồng dịch vụ giữa Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam và Logistics Bureau (Asia) Limited (LBA), thì LBA sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn dự án thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic trên khu đất tại Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị phí dịch vụ là 72.000USD. Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn số 1570/SQHKT-QHKV2 ngày 12 tháng 06 năm 2009 về việc cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc tại khu đất địa chỉ Km9 xa lộ H à Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức của Sở Quy hoạch kiến trúc thì Dự án hạ tầng logistic tại địa điểm này là không phù hợp với quy hoạch của Thành phố. Do đó chi phí tư vấn khảo sát thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic được kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào các kỳ.

14 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Góp vốn liên doanh	1,680,000,000	1,680,000,000
Cộng	1,680,000,000	1,680,000,000

Chi tiết	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam	Số 17 Lê Văn Linh, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	105,000	35%

Theo hợp đồng liên doanh số 01/07-07/HĐLD ngày 06/07/2007 thì Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam cùng SDB Finanziaria S.A, Công ty Cổ phần Đại Cồ Việt thành lập Công ty Cổ phần SDB Việt Nam với các ngành nghề kinh doanh nh ư sau:

- Dịch vụ kho bãi;
- Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng tất cả các phương thức vận tải (đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa).
- Dịch vụ thủ tục, hải quan;
- Dịch vụ logistics.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 41132000017 ngày 13/12/2007 thì Vốn điều lệ của Công ty liên doanh là 4,8 tỷ VNĐ (tương đương 300.000USD). Trong đó, số cổ phần nắm giữ của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam là 105.000 cổ phần (chiếm 35% vốn góp). Thời hạn hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	32,611,067	428,845,181
Lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hóa	-	308,927,746
Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic	863,069,507	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	87,542,456	37,000,000
Cộng	983,223,030	774,772,927

16 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	517,953,412	517,953,412
Tài sản dài hạn khác	-	5,000,000
Cộng	517,953,412	522,953,412

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	888,304,755	884,156,839
Thuế nhập khẩu	342,694,719	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3,381,605,011	-
Thuế thu nhập cá nhân	10,378,229	553,119,651
Các khoản khác phải trả Nhà nước	72,997,733	-
Cộng	4,695,980,447	1,437,276,490

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí bốc xếp	-	122,590,909
Trích trước chi phí kho bãi	109,464,473	138,799,442
Trích trước chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	65,000,000	80,000,000
Trích trước chi phí điện nước	119,354,543	-
Chi phí phải trả khác	-	11,698,000
Cộng	293,819,016	353,088,351

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	290,179,486	193,446,395
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	80,000,000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12,138,040,054	4,969,586,509
- Nhận tạm ứng tiền mua lô đất trạm Ngũ Phúc	9,872,100,000	-
- Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2009	1,670,371,400	-
- Phải trả, phải nộp khác	595,568,654	4,969,586,509
Cộng	12,508,219,540	5,163,032,904

20 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	89,143,430	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	89,143,430	-

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH (*)	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	51,000,000,000	-		12,451,879,683	1,201,685,425	360,505,628	906,844,818	65,920,915,554
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	9,492,254,663	738,364,037	552,782,018	-	10,783,400,718
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	23,010,837,426	23,010,837,426
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	22,182,655,408	22,182,655,408
Số dư cuối năm trước	51,000,000,000	1,735,026,836	-	21,944,134,346	1,940,049,462	913,287,646	-	77,532,498,290
Tăng vốn trong năm nay	32,518,570,000	-	-	-	-	-	-	32,518,570,000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	26,300,430,226	26,300,430,226
Tăng khác	-	1,171,949,464	103,073,419	6,856,737,699	1,025,004,788	776,281,222	-	9,933,046,592
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (**)	-	-	-	21,000,000,000	-	538,799,000	26,300,430,226	47,839,229,226
Số dư cuối năm nay	83,518,570,000	2,906,976,300	103,073,419	7,800,872,045	2,965,054,250	1,150,769,868	-	98,445,315,882
	-	-	-	-	-	-	-	-

(*) là số dư của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích từ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2007, 2008 và năm 2009.

(**) Giảm khác trong năm của lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Trích trả cổ tức năm 2009 (18%):	13,188,941,400	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1,025,004,788	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	6,856,737,699	VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,275,014,364	VND
- Trích vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,171,949,464	VND
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	776,281,222	VND
- Chỉ khác từ lợi nhuận sau thuế	6,501,289	VND
Total	26,300,430,226	VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2009 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2009 VND
Vốn góp của Nhà nước	47.73%	39,859,420,000	49%	24,990,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.27%	43,659,150,000	51%	26,010,000,000
Cộng	100%	83,518,570,000	100%	51,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	51,000,000,000	51,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	32,518,570,000	-
- Vốn góp cuối năm	83,518,570,000	51,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16,248,941,400	6,120,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3,060,000,000	6,120,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	13,188,941,400	-
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu 16%	11,518,570,000	-
+ Cổ tức chưa chia 2%	1,670,371,400	-

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*) 18% 18%

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2009 ngày 21/10/2009 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam bằng hình thức Trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả 16%/mệnh giá (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần thì được hưởng 16 cổ phần mới phát hành thêm) và Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 405/KVMN ngày 31/12/2009 về việc tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ chi trả là 2% và Biên bản Hội đồng quản trị khóa 1 lần 14 số 161/BB-KVMN ngày 22/03/2010 về việc thông qua Báo cáo của HĐQT và BGD về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty.

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,351,857	5,100,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,351,857	5,100,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,351,857	5,100,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,351,857	5,100,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,351,857	5,100,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành: 10.000 VND		

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu sản phẩm, bán hàng	156,619,246,597	204,902,839,900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	311,825,973,215	426,424,190,437
Cộng	468,445,219,812	631,327,030,337

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	148,346,662,171	185,348,833,262
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	220,639,111,846	337,348,655,222
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2,718,891,664
Cộng	368,985,774,017	525,416,380,148

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	916,252,678	183,366,041
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180,182,801	303,273,916
Lãi bán ngoại tệ	45,915	177,712,008
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	744,475,140	2,461,068,307
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	59,814,864
Lãi bán cổ phiếu	154,506,810	287,949,899
Cộng	1,995,463,344	3,473,185,035

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	217,951,127	1,777,264,253
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1,637,283,792	1,740,614,179
Lỗ do bán ngoại tệ	80,000	69,617,104
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	585,785,270	1,957,463,965
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	59,598,974
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4,854,827,897)	8,018,693,566
Cộng	(2,413,727,708)	13,623,252,041

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	3,237,833,194	655,252,273
Thu bồi thường Bảo hiểm	438,406,482	330,727,042
Thu khác	328,616,489	83,757,002
Cộng	4,004,856,165	1,069,736,317

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	1,114,052,657	-
Chi bồi thường khách hàng	-	73,213,818
Chi khác	48,115,011	5,003
Cộng	1,162,167,668	73,218,821

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5,256,605,011	-
Cộng	5,256,605,011	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế thu được trong năm

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 164/2003/NĐ - CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành luật Thuế TNDN, Công ty được miễn thuế 02 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm tiếp theo. Do đó năm 2009, Công ty đang được giảm 50% số thuế phải nộp cho hoạt động kinh doanh chính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định cụ thể như sau:

	Năm 2009
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán tr ước thuế	31,646,178,667
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi	21,239,517,249
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	10,406,661,418
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	31,646,178,667
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi	21,239,517,249
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	10,406,661,418
Thuế suất thuế TNDN (tỷ lệ %)	
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi	12.5%
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành	5,256,605,011

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	26,300,430,226	23,010,837,426
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26,300,430,226	23,010,837,426
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6,423,779	5,100,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,094	4,512

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên BC năm trước	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	413	1,735,026,836	-	1,735,026,836
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	1,735,026,836	(1,735,026,836)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Mùi

Trương Văn Thuần

Hoàng Quyến

PHẦN VI:

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

6.1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA KHO VẬN MIỀN NAM:

Không có.

6.2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:

Bảng 2: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam

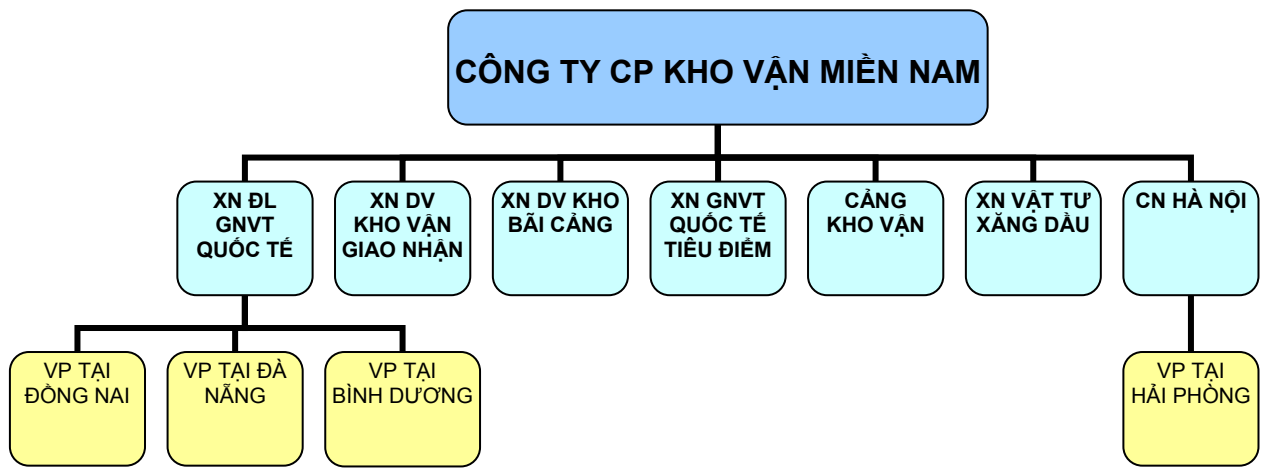
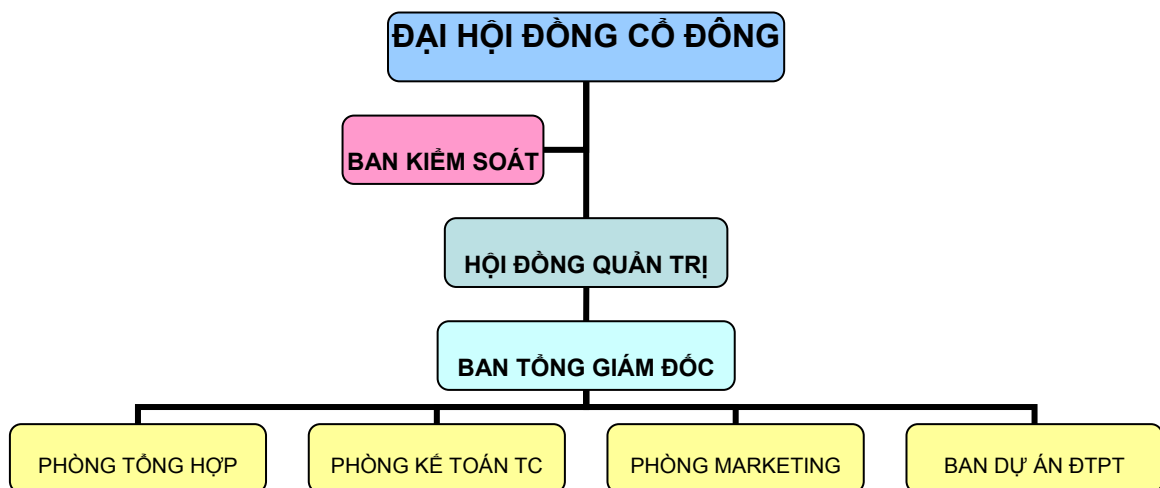
TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1.	Công ty cổ phần SDB Việt Nam	4.800.000.000. Trong đó, Sotrans góp 1.680.000.000 đồng (tương đương 35% VDL)	Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng. Xếp dỡ giao nhận hàng hoá. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.	17 Lê Văn Linh, Phường 6, Quận 4, TP. HCM

PHẦN VII:

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

- Ban giám đốc: Tổng Giám đốc và 3 Phó Tổng giám đốc.
- 1 chi nhánh tại Hà nội, các VPĐD tại Hải phòng , Đồng Nai, Đà Nẵng, Bình Dương.
- 5 đơn vị thành viên, 3 phòng ban trực thuộc công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 380 người.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty**Sơ đồ 2:** Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

7.2. BAN ĐIỀU HÀNH:

Có 4 thành viên bao gồm 1 Tổng giám đốc và 3 Phó Tổng Giám Đốc.

- | | |
|----------------------|--------------------|
| 1. Ông Hoàng Quyên | Tổng Giám đốc. |
| 2. Bà Đoàn Thị Đông | Phó Tổng Giám đốc. |
| 3. Ông Trần Huy Hiền | Phó Tổng Giám đốc. |
| 4. Ông Trần Mạnh Đức | Phó Tổng Giám đốc. |

Tóm tắt lý lịch:

▪ **Ông Hoàng Quyên – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/10/1950
- Nơi sinh: Hải Dương
- Số CMND: 020161801
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 2/24 Võ Trường Toản, P.An Phú, Q.2, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (Ext. 114)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Luật chuyên ngành Luật và Đại học kinh tế chuyên ngành Kinh tế Lao động.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 06/1968 đến 03/1976: Bộ đội C2 D29 F9 Miền Đông Nam Bộ.
 - + Từ 04/1976 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các

chức vụ:

- o Cán sự nhân sự, chuyên viên Thanh tra Bảo vệ.
- o Phó phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Giám đốc Tổng kho, Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Thương mại.
- o Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.

+ Từ 01-2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

▪ **Bà Đoàn Thị Đông - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1957
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 024673525
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 47-57 Nguyễn Thái Bình, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (Ext. 116)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ và Đại học Thương Mại chuyên ngành QTKD.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 05/1981 đến 06/1985: Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2
 - + Từ 07/1985 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các

chức vụ :

- o Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
- o Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa.
- o Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại.
- o Phó Giám đốc Công ty.

+ Từ 01/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

▪ **Ông Trần Huy Hiền – Thành viên hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/10/1958
- Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND: 021777243
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 1351 Hoàng Văn Thụ, P4, Tân Bình, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3940 0947 (Ext. 171)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, ĐH Thương Mại
- Quá trình công tác:
 - + Từ 09/1979 đến 05/1980: Chuyên gia Thương nghiệp Campuchia.
 - + Từ 06/1980 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các

chức vụ:

- o Chuyên viên kinh doanh, Tổ trưởng kho, Quản đốc Kho, Quản đốc cụm kho, Đội trưởng đội bảo quản.
- o Phó Giám đốc, Giám đốc Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
- + Từ 01/2007 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.

▪ **Ông Trần Mạnh Đức – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1970
- Nơi sinh: TP.HCM
- Số CMND: 022416192
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú: 115/58 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3940 0947 (Ext. 123)
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành QTKD Đại học Hàng Hải
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1995 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các

chức vụ:

- o Nhân viên giao nhận, Tổ trưởng kinh doanh.

- o Phó Giám đốc XN Đại lý Giao nhận vận tải Quốc tế, Giám đốc Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Thủ Đức.

+ Từ 01/2007 đến nay: Công tác tại Công ty CP Kho Vận Miền Nam với các chức vụ :

- o Giám đốc XN Dịch vụ Kho bãi cảng.
- o Phó Tổng Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám Đốc.

7.3. CÁC VĂN PHÒNG VÀ CHI NHÁNH:

▪ Văn phòng trụ sở chính Công ty:

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, Tp. HCM

▪ Các đơn vị trực thuộc:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Q4, Tp. HCM.
2.	Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Q4, Tp. HCM.
3.	Xí nghiệp dịch vụ Kho bãi Cảng	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
4.	Xí nghiệp GNVT Quốc tế Tiêu điểm	16 Cửu Long, Q. Tân Bình, Tp. HCM.
5.	Cảng kho vận	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
6.	Xí nghiệp Vật Tư Xăng dầu	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.

▪ Các chi nhánh trực thuộc:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội	Số 30 Đoàn Thị Điểm, Hà Nội.

▪ Các văn phòng trực thuộc:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Bình Dương	196 Bình Dương, Thị Xã Thủ Dầu 1, Bình Dương.
2.	Văn phòng Đà Nẵng	245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
3.	Văn phòng Hải Phòng	11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng

7.4. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:

▪ Phòng Tổng Hợp:

Phòng Tổng hợp công ty là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: kế hoạch, nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển kinh doanh, quản trị nhân sự – tiền lương, đầu tư, xây dựng cơ bản, pháp chế, thanh tra, bảo vệ, quản trị hành chính, thi đua khen thưởng.

▪ Phòng Kế Toán Tài Chính:

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.

▪ **Phòng Marketing:**

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

▪ **Ban Dự án đầu tư phát triển:**

Ban Dự án Đầu tư phát triển có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư phát triển nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7.5. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

Không có.

7.6. CÁN BỘ CNV VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

▪ **Số lượng lao động và cơ cấu lao động:**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/9/2009 là 346 người với cơ cấu như sau:

Bảng 3: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	10	2,9
Đại học	156	45,0
Cao đẳng	39	11,3
Trung cấp. CNKT lành nghề	93	26,9
Lao động phổ thông	48	13,9
Tổng cộng	346	100
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	292	84,4
Lao động gián tiếp	54	15,6
Tổng cộng	346	100

▪ **Chế độ làm việc:**

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần, 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện

theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.

- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.
- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**
 - Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
 - Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
 - Đối với khâu kinh doanh then chốt (như bộ phận sales) thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
 - Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.

7.7. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Trần Quyết Thắng và Ông Võ Thành Lâm theo đơn xin từ nhiệm của hai ông này.

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2009 được thông qua ngày 21/10/2009 về việc ủy quyền cho HĐQT xem xét bổ nhiệm 02 thành viên HĐQT thay thế 02

thành viên cũ đã được Đại hội chấp thuận cho từ nhiệm; Căn cứ văn bản đề cử của 02 cổ đông lớn là Sacombank và Công ty chứng khoán Bản Việt, Chủ tịch HĐQT đã có các quyết định cụ thể như sau:

- Quyết định số 343/QĐ-KVMN ngày 17/11/2009 v/v bổ nhiệm Ông Tô Hải làm thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ I (2007 – 2011).
- Quyết định số 344/QĐ-KVMN ngày 17/11/2009 v/v bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Vinh làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ I (2007- 2011).

PHẦN VIII:

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:**8.1.1. Hội đồng quản trị:**

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. Hoàng Quyến | Chủ tịch HĐQT. |
| 2. Đoàn Thị Đông | Phó chủ tịch HĐQT. |
| 3. Trần Huy Hiền | Ủy viên HĐQT. |
| 4. Tô Hải | Ủy viên HĐQT. |
| 5. Nguyễn Thế Vinh | Ủy viên HĐQT. |

8.1.2. Ban Kiểm soát

- | | |
|----------------------|-----------------|
| 1. Phan Đình Bội | Trưởng Ban KS. |
| 2. Trần Văn Đức | Ủy viên Ban KS. |
| 3. Võ Sáng Xuân Vinh | Ủy viên Ban KS. |

Tóm tắt lý lịch:

- **Ông Hoàng Quyến – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
(Xem chi tiết phần Ban điều hành)
- **Bà Đoàn Thị Đông – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
(Xem chi tiết phần Ban điều hành)
- **Ông Trần Huy Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
(Xem chi tiết phần Ban điều hành)
- **Ông Tô Hải - Thành viên hội đồng Quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 01/12/1973
 - Nơi sinh: Thái Bình
 - Số CMND: 022977047
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 08.3914.3588
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
 - Quá trình công tác:

- o Từ năm 1997 - 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam.
- o Từ năm 2001-2002: Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt.
- o Từ 2002-2003: Trưởng phòng Tư vấn – Công ty Chứng khoán Đông Á.
- o Từ 2003-2007: Giám đốc Chi nhánh – Công ty Chứng Khoán Bảo Việt.
- o Từ T10/2007 đến nay: Tổng giám đốc – Công ty Chứng khoán Bản Việt.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị .
- **Ông Nguyễn Thế Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/5/1976
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - Số CMND: 022974097
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: TP.HCM
 - Địa chỉ thường trú: 60/7I Tổ 20, KP4, P.tân Hưng Thuận, Q.7, TP.HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 0907.909.966
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - o Từ Tháng 7/1997 đến tháng 8/2006: Trưởng phòng – Sở giao dịch Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
 - o Từ tháng 8/2006 đến nay: Tổng giám đốc công ty Quản lý & Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị.
- **Ông Phan Đình Bội – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 17/07/1951
 - Nơi sinh: Hà Bắc
 - Số CMND: 022052470
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Bắc
- Địa chỉ thường trú: 269/5 Xô viết Nghệ Tĩnh-P24-Q.Bình Thạnh-TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (109)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế chuyên ngành Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - + Từ 04/1972 đến 07/1981: Bộ đội lái xe tải binh trạm 21 Cục Vận tải.
 - + Từ 08/1981 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các

chức vụ:

- o Lái xe tải, kỹ thuật viên, đội phó đội xe.
- o Chuyên viên Kế hoạch nghiệp vụ.
- + Từ 01/2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.

▪ **Ông Trần Văn Đức - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/04/1963
- Nơi sinh: TP.HCM
- Số CMND: 023913521
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 93/17 XVNT, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3731 0033
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Thương Nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01-1982 đến 12-2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các

chức vụ:

- o Kế toán viên, Tổ trưởng Kế toán.
- o Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.

+ Từ 01/2007 đến nay: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế thuộc Công ty CP Kho Vận Miền Nam, Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát kiêm Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD

▪ **Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1972
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND số: 022728615
- Cấp ngày: 24/7/2003 Tại: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 17 Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 3820 2131
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh (MBA) chuyên ngành Tài Chính (Anh Quốc), Văn bằng CFA (Mỹ).
- Quá trình công tác:
 - + Từ 4/1998 – 11/2001: Phó Phòng Thẩm Định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh (HIFU).
 - + Từ 11/2001 – 7/2003: Cán bộ đầu tư Mekong Capital.
 - + Từ 7/2003-7/2005: Phó Giám Đốc Công Ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Kỹ Nghệ ECO.
 - + Từ 7/2005 – 4/2007: Giám đốc Đầu tư VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
 - + Từ 5/2007 – 12/2007: Trưởng Đại diện VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
 - + Từ 01/2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát.

8.1.3. Tỉ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ
1.	Hoàng Quyến		2,449,639	29.33%
	- Đại diện SCIC:		2,440,372	29.22%
	- Cá nhân:		9,267	0.11%
2.	Trần Huy Hiền		1,559,463	18.67%
	- Đại diện SCIC:		1,545,570	18.51%
	- Cá nhân:		13,893	0.17%
3.	Đoàn Thị Đông		7,194	0.09%
4.	Tô Hải		831,386	9.95%
5.	Nguyễn Thế Vinh		1,691,339	20.25%
6.	Trần Mạnh Đức		4,561	0.05%
7.	Phan Đình Bội		5,000	0.06%
8.	Trần Văn Đức		6,475	0.08%
9.	Võ Sáng Xuân Vinh		2,807	0.03%
	Tổng cộng:		6,581,024	78.80%

8.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:**8.2.1. Cơ cấu vốn cổ đông:**

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8,351,857	83,518,570	100%				8,351,857	83,518,570	100.0%
1. Cổ đông Nhà nước	3,985,942	39,859,420	47.7%				3,985,942	39,859,420	47.7%
2. Cổ đông đặc biệt	2,572,734	25,727,340	30.8%				2,572,734	25,727,340	30.8%
- Hội đồng quản trị	2,553,079	25,530,790					2,553,079	25,530,790	30.6%
- Ban Tổng Giám đốc (*)	4,561	45,610					4,561	45,610	0.1%
- Ban kiểm soát	14,282	142,820					14,282	142,820	0.2%
- Kế Toán Trưởng	812	8,120					812	8,120	0.0%
3. Cổ đông trong công ty:	761,921	7,619,210	9.1%				761,921	7,619,210	9.1%
- Cán bộ công nhân viên(**)	761,921	7,619,210					761,921	7,619,210	9.1%
4. Cổ đông ngoài công ty	1,031,260	10,312,600	12.3%				1,031,260	10,312,600	12.3%
- Cá nhân	1,031,260	10,312,600					1,031,260	10,312,600	12.3%
- Tổ chức									0.0%
II. Cổ phiếu quỹ			0%						

Ghi chú:

(*) : không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT

(**): Cổ Đông là CBNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BTGD, BKS và KTT.

8.2.2. Cơ cấu tỉ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8,351,857	83,518,570	100%				8,351,857	83,518,570	100%
Cổ đông sáng lập	3,996,703	39,967,030	47.85%				3,996,703	39,967,030	47.85%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2,522,725	25,227,250	30.21%				2,522,725	25,227,250	30.21%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	20,977	209,770	0.25%				20,977	209,770	0.25%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,811,452	18,114,520	21.69%				1,811,452	18,114,520	21.69%

